

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 10

MÔN: TIẾNG ANH 6 GLOBAL SUCCESS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. T	2. F	3. T	4. T	5. A	6. B	7. C	8. B
9. B	10. D	11. D	12. C	13. A	14. C	15. B	16. D
17. C	18. D	19. C	20. A	21. A	22. A	23. A	24. D
25. A	26. C	27. A	28. B	29. A	30. B	31. C	32. A

33. is short and black

34. has 5 people

35. is behind the post office

36. is smaller than her house

37. The photos are on the wall.

38. There are five rooms and a big garden in the house.

39. Could you tell me the way to the Japanese Bridge, please?

40. Would you like to join us for dinner tonight?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Bài nghe:

Phu Quoc is a very beautiful island in Viet Nam. It is in Kien Giang. It has beautiful beaches and green forests. It also has resorts, hotels, and bars. The people here are friendly. Phu Quoc has an international airport, and travelling there is easy. Tourists can visit fishing villages, national parks, pagodas and temples. They also like to eat the seafood here. It is delicious. Sailing and fishing are popular water sports. You can buy interesting things at the markets on the island.

Tạm dịch:

Phù Quốc là một hòn đảo rất đẹp ở Việt Nam. Nó nằm ở Kiên Giang. Nó có những bãi biển đẹp và những cánh rừng xanh. Nó cũng có các khu nghỉ dưỡng, khách sạn và quán bar. Người dân ở đây rất thân thiện. Phù Quốc có một sân bay quốc tế, và việc đi lại ở đó rất dễ dàng. Du khách có thể ghé thăm các làng chài, công viên quốc gia, chùa chiền và đền thờ. Họ cũng thích ăn hải sản ở đây. Nó rất ngon. Chèo thuyền và câu cá là những môn thể thao dưới nước phổ biến. Bạn có thể mua những thứ thú vị tại các khu chợ trên đảo.

Phương pháp chung:

- Đọc câu đề bài và gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Nghe và chú ý và thông tin chứa từ đã gạch chân.

- So sánh thông tin nghe được với nội dung câu hỏi để xác định đề bài là đúng (True) hay sai (False).

1. T

Phu Quoc is a very beautiful island in Viet Nam.

(*Phú Quốc là một hòn đảo rất đẹp ở Việt Nam.*)

Thông tin: Phu Quoc is a very beautiful island in Viet Nam.

(*Phú Quốc là một hòn đảo rất đẹp ở Việt Nam.*)

Chọn T

2. F

There are no green forests in Phu Quoc.

(*Ở Phú Quốc không có rừng xanh.*)

Thông tin: It has beautiful beaches and green forests.

(*Nó có những bãi biển đẹp và những cánh rừng xanh.*)

Chọn F

3. T

You can play water sports in Phu Quoc.

(*Bạn có thể chơi các môn thể thao dưới nước ở Phú Quốc.*)

Thông tin: Sailing and fishing are popular water sports.

(*Chèo thuyền và câu cá là những môn thể thao dưới nước phổ biến.*)

Chọn T

4. T

People can buy interesting things at the markets.

(*Mọi người có thể mua những thứ thú vị ở chợ.*)

Thông tin: You can buy interesting things at the markets on the island.

(*Bạn có thể mua những thứ thú vị tại các khu chợ trên đảo.*)

Chọn T

5. A

Phú Quốc có _____ và rừng xanh.

A. bãi biển đẹp

B. sông

C. hồ

D. biển

Thông tin: It has beautiful beaches and green forests.

(*Nó có những bãi biển đẹp và những cánh rừng xanh.*)

Chọn A

6. B

Nó cũng có các khu nghỉ dưỡng, khách sạn và _____.

- A. biển
- B. quán bar
- C. hồ
- D. sông

Thông tin: It also has resorts, hotels, and bars.

(Nó cũng có các khu nghỉ dưỡng, khách sạn và quán bar.)

Chọn B

7. C

Phương pháp:

- Đọc các từ để xác định phát âm của từ được gạch chân.
- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu phiên âm của phần được gạch chân.
- So sánh để chọn ra đáp án có phần được gạch chân đọc khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

- A. photo /'fəʊ.təʊ/
- B. going /'gəʊ.ɪŋ/
- C. mother /'mʌð.ər/
- D. home /həʊm/

Phần gạch chân ở phương án C được phát âm là /ʌ/, còn lại phát âm là /əʊ/.

Chọn C

8. B

Phương pháp:

Quy tắc phát âm đuôi -s

- Phát âm là /s/ khi từ có tận cùng bằng các phụ âm vô thanh: /θ/, /p/, /k/, /f/, /t/.
- Phát âm là /ɪz/ khi từ có tận cùng là các âm: /s/, /z/, /ʃ/, /tʃ/, /ʒ/, /dʒ/.
- Phát âm là /z/ khi các từ có tận cùng là nguyên âm và các phụ âm hữu thanh còn lại.

Lời giải chi tiết:

- A. hatss /hæts/
- B. penss /penz/
- C. bookss /boks/
- D. catss /kæts/

Phần gạch chân ở phương án B được phát âm là /z/, còn lại phát âm là /s/.

Chọn B

9. B

Phương pháp:

- Đọc các từ để xác định phát âm của từ được gạch chân.

- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu phiên âm của phần được gạch chân.

- So sánh để chọn ra đáp án có phần được gạch chân đọc khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

A. river /'rɪv.əɹ/

B. island /'aɪ.lənd/

C. animal /'æ.n.ɪ.məl/

D. thing /θɪŋ/

Phần gạch chân ở phương án B được phát âm là /aɪ/, còn lại phát âm là /ɪ/.

Chọn B

10. D

Phương pháp:

- Đọc các từ để xác định phát âm của từ được gạch chân.

- Trong trường học chưa biết cách đọc có thể tra từ điển Anh - Anh để xác định kí hiệu phiên âm của phần được gạch chân.

- So sánh để chọn ra đáp án có phần được gạch chân đọc khác với các từ còn lại.

Lời giải chi tiết:

A. special /'speʃ.əl/

B. share /ʃeəɹ/

C. wish /wɪʃ/

D. rice /raɪs/

Phần gạch chân ở phương án D được phát âm là /s/, còn lại phát âm là /ʃ/.

Chọn D

Phương pháp:

- Đọc và dịch nghĩa các đáp để xác định 3 từ thuộc cùng 1 nhóm từ vựng thuộc một chủ đề hay có điểm chung nào đó.

- Đáp án cần chọn là từ vựng không có cùng nét nghĩa với 3 từ còn lại.

11. D

A. beach (n): bãi biển

B. valley (n): thung lũng

C. island (n): hòn đảo

D. large (adj): lớn, rộng

Các phương án A, B, và C đều là danh từ chỉ địa điểm tự nhiên, trong khi phương án D là tính từ miêu tả kích thước.

Chọn D

12. C

- A. eye (n): mắt
- B. ear (n): tai
- C. see (v): nhìn
- D. mouth (n): miệng

Các phương án A, B, và D đều là danh từ chỉ bộ phận cơ thể, trong khi phương án C là động từ chỉ hành động.

Chọn C

13. A

Phương pháp:

Dựa vào danh từ số nhiều “tables” và áp dụng cách sử dụng của cấu trúc “there + be” để loại bỏ những đáp án sai.

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc hỏi số lượng: How many + N số nhiều + are there ...?

Câu hoàn chỉnh: How many tables **are there** in your classroom?

(*Có bao nhiêu cái bàn trong lớp học của bạn?*)

Chọn A

14. C

Phương pháp:

Dựa vào từ “than” ở sau chỗ trống và cấu trúc so sánh hơn của tính từ để chọn được đáp án đúng.

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc so sánh hơn với tính từ dài: N1 + be + MORE + adj + THAN + N2.

Câu hoàn chỉnh: The black car is **more expensive** than the white car

(*Chiếc xe màu đen đắt hơn chiếc xe màu trắng.*)

Chọn C

15. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Could you please tell me the _____ to the post office?

(*Bạn có thể chỉ cho tôi _____ đến bưu điện được không?*)

Lời giải chi tiết:

- A. road (n): con đường
- B. way (n): đường đi hoặc cách đi
- C. street (n): phố
- D. path (n): lối mòn

Câu hoàn chỉnh: Could you please tell me the **way** to the post office?

(Bạn có thể chỉ cho tôi đường đến bưu điện được không?)

Chọn B

16. D

Phương pháp:

Dựa vào danh từ không đếm được “beard” (râu) để loại những đáp án sai.

Lời giải chi tiết:

beard (n): râu => danh từ không đếm được nên không được dung mạo từ “a” => loại A, B, C

Câu hoàn chỉnh: My father has **long grey beard**.

(Bố tôi có râu dài màu xám.)

Chọn D

17. C

Phương pháp:

- Dựa vào hình thức của động từ sau “must/mustn’t” để loại những đáp án sai.

- Dịch nghĩa câu đề bài và những đáp án dung ngữ pháp rồi lần lượt điền vào chỗ trống sao cho tạo thành câu có nghĩa.

Students _____ in an exam or the teacher will send them out.

(Học sinh _____ trong bài thi, nếu không sẽ bị đuổi ra ngoài.)

Lời giải chi tiết:

Ta có quy tắc: S + must/ mustn’t + V (nguyên thể) => loại B, D

A. must cheat: phải gian lận => không phù hợp

C. mustn’t cheat: không được gian lận => phù hợp

Câu hoàn chỉnh: Students **mustn’t cheat** in an exam or the teacher will send them out.

(Học sinh không được gian lận trong bài thi, nếu không sẽ bị đuổi ra ngoài.)

Chọn C

18. D

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

The Grand Canyon is one of the natural _____ of the world.

(Hẻm núi Grand Canyon là một trong những _____ thiên nhiên của thế giới.)

Tạm dịch:

A. materials (n): nguyên liệu,

B. sights (n): cảnh quan

C. scenery (n): phong cảnh

D. wonders (n): kỳ quan => natura wonders: kì quan thiên nhiên

Câu hoàn chỉnh: The Grand Canyon is one of the natural **wonders** of the world.

(Hẻm núi Grand Canyon là một trong những kỳ quan thiên nhiên của thế giới.)

Chọn D

19. C

Phương pháp:

Áp dụng quy tắc hình thành sở hữu cách với tên riêng chỉ người để chọn đáp án đúng.

Lời giải chi tiết:

Cấu trúc sở hữu cách: tên riêng chỉ người + 's

Câu hoàn chỉnh: **Tom's** school is small.

(Trường của Tom nhỏ.)

Chọn C

20. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.

- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

My brother can wait hours for his friends without getting angry. He is really _____.

(Anh trai tôi có thể chờ bạn hàng giờ mà không tức giận. Anh ấy thực sự _____.)

Lời giải chi tiết:

A. patient (adj): kiên nhẫn

B. friendly (adj): thân thiện

C. lovely (adj): dễ thương

D. beautiful (adj): đẹp

Câu hoàn chỉnh: My brother can wait hours for his friends without getting angry. He is really **patient**.

(Anh trai tôi có thể chờ bạn hàng giờ mà không tức giận. Anh ấy thực sự rất kiên nhẫn.)

Chọn A

21. A

Phương pháp:

- Nhìn qua các đáp án để loại những đáp án sai ngữ pháp.

- Dịch câu đề bài để hiểu ngữ cảnh của đoạn hội thoại.

- Dịch nghĩa các đáp án đúng ngữ pháp để chọn được câu phản hồi phù hợp nhất với lượt lời đã cho.

Lời giải chi tiết:

Ann: "Bạn có thể chỉ cho tôi đường đến rạp chiếu phim được không?" - Lisa: "_____"

A. Đi thẳng, nó ở bên trái của bạn

B. Tôi không thích xem phim

C. Đó là phim gì?

D. Đây là một bộ phim thú vị

Chọn A

22. A

Phương pháp:

- Nhìn qua các đáp án để loại những đáp án sai ngữ pháp.

- Dịch câu đề bài để hiểu ngữ cảnh của đoạn hội thoại.

- Dịch nghĩa các đáp án đúng ngữ pháp để chọn được câu phản hồi phù hợp nhất với lượt lời đã cho.

Lời giải chi tiết:

Hoa: “Bạn thân của bạn trông như thế nào?” - Linh: “_____”

A. Cô ấy thấp và tóc ngắn.

B. Cô ấy là giáo viên

B. Cô ấy thích tiếng Anh.

D. Cô ấy thân thiện.

Chọn A

23. A

Phương pháp:

Dựa vào chủ ngữ số ít “Hoa” và cấu trúc thì hiện tại đơn dạng khẳng định với động từ để xác định từ sai.

Lời giải chi tiết:

Ta có chủ ngữ “Hoa” (ngôi thứ ba số ít) cần động từ “go” chia ở dạng “goes”.

Sửa: go => goes

Câu hoàn chỉnh: Hoa usually **goes** to the library with her friends after school.

(*Hoa thường đi thư viện với bạn sau giờ học.*)

Chọn A

24. D

Phương pháp:

Dựa vào kiến thức về trật tự hai tính từ liên tiếp nhau trong một cụm để xác định đáp án sai.

Lời giải chi tiết:

Khi có hai danh từ đứng liền kề nhau trong một cụm danh từ thì thứ tự là: (mạo từ) + kích thước + màu sắc + danh từ.

Sửa: black long => long black

Câu hoàn chỉnh: She has brown eyes and **long black** hair.

(*Cô ấy có đôi mắt nâu và mái tóc dài màu đen.*)

Chọn D

25. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Trang An in Ninh Binh is a charming and (25) _____ site in Viet Nam.

(Trang An ở Ninh Bình là một địa điểm quyến rũ và _____ ở Việt Nam.)

Lời giải chi tiết:

- A. fantastic (adj): tuyệt vời
- B. active (adj): năng động
- C. smart (adj): thông minh
- D. intelligent (adj): thông minh

Câu hoàn chỉnh: Trang An in Ninh Binh is a charming and (25) **fantastic** site in Viet Nam.

(Trang An ở Ninh Bình là một địa điểm quyến rũ và tuyệt vời ở Việt Nam.)

Chọn A

26. C

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

There are (26) _____ running along these valleys, reflecting the blue sky above.

(Có _____ - chảy dọc theo các thung lũng này, phản chiếu bầu trời xanh phía trên.)

Lời giải chi tiết:

- A. lakes (n): hồ
- B. seas (n): biển
- C. rivers (n): sông
- D. oceans (n): đại dương

Câu hoàn chỉnh: There are (26) **rivers** running along these valleys, reflecting the blue sky above.

(Có những con sông chảy dọc theo các thung lũng này, phản chiếu bầu trời xanh phía trên.)

Chọn C

27. A

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

Making boat trips is a perfect way to fully enjoy the (27) _____ here.

(Đi thuyền là cách hoàn hảo để tận hưởng trọn vẹn _____ ở đây.)

Lời giải chi tiết:

- A. scenery (n): phong cảnh
- B. surrounding (n): môi trường xung quanh
- C. neighborhood (n): khu vực lân cận
- D. pictures (n): bức tranh

Câu hoàn chỉnh: Making boat trips is a perfect way to fully enjoy the (27) **scenery** here.

(Đi thuyền là cách hoàn hảo để tận hưởng trọn vẹn phong cảnh ở đây.)

Chọn A

28. B

Phương pháp:

- Dịch nghĩa câu đề bài để hiểu được ngữ cảnh của câu.
- Dịch nghĩa các đáp án và lần lượt điền các đáp án vào chỗ trống để chọn được đáp án phù hợp nhất tạo thành câu có nghĩa.

There are also tens of wonderful natural caves that you should (28) _____ on foot.

(Ngoài ra, còn có hàng chục hang động tự nhiên tuyệt vời mà bạn nên _____ bằng cách đi bộ.)

Lời giải chi tiết:

- A. enjoy (v): tận hưởng
- B. explore (v): khám phá
- C. look (v): nhìn,
- D. watch (v): quan sát

Câu hoàn chỉnh: There are also tens of wonderful natural caves that you should (28) **explore** on foot.

(Ngoài ra, còn có hàng chục hang động tự nhiên tuyệt vời mà bạn nên khám phá bằng cách đi bộ.)

Chọn B

Đoạn văn hoàn chỉnh:

Trang An in Ninh Binh is a charming and (25) **fantastic** site in Viet Nam. The whole picture of Trang An has limestone mountains, forests and golden rice fields. The valleys here are amazingly beautiful like colorful carpets. There are (26) **rivers** running along these valleys, reflecting the blue sky above. Making boat trips is a perfect way to fully enjoy the (27) **scenery** here. There are also tens of wonderful natural caves that you should (28) **explore** on foot. Many world travelers call Trang An “Ha Long Bay on the land”.

Tạm dịch bài đọc:

Tràng An ở Ninh Bình là một địa điểm quyến rũ và tuyệt vời ở Việt Nam. Toàn cảnh Tràng An có núi đá vôi, rừng và những cánh đồng lúa vàng. Các thung lũng ở đây đẹp đến kinh ngạc như những tấm thảm đầy màu sắc. Có những dòng sông chảy dọc theo những thung lũng này, phản chiếu bầu trời xanh phía trên. Đi thuyền là một cách hoàn hảo để tận hưởng trọn vẹn cảnh quan ở đây. Ngoài ra còn có hàng chục hang động tự nhiên tuyệt đẹp mà bạn nên khám phá bằng cách đi bộ. Nhiều du khách thế giới gọi Tràng An là “Vịnh Hạ Long trên cạn”.

Bài đọc hiểu:

Hello. My name is John. I live in an apartment in New York, the USA. It is a big city. It has got a lot of high buildings, supermarkets, banks and shops. There is much traffic and there are often traffic jams at rush hours. It is very noisy here, but I enjoy living here because everything is exciting and attractive to me.

Hi, I am Kate. I am John's elder cousin. I live in a village in the suburbs of Canberra, Australia. It is quieter than New York. It hasn't got many shops, supermarkets and restaurants. There are some farms around my house. You can see a lot of sheep and kangaroos on the farms. There are not many people here, but they are friendly. I prefer to live in the countryside because I enjoy the fresh air and peaceful life here.

Tạm dịch bài đọc:

Xin chào. Tôi tên là John. Tôi sống trong một căn hộ ở New York, Hoa Kỳ. Đây là một thành phố lớn. Có rất nhiều tòa nhà cao tầng, siêu thị, ngân hàng và cửa hàng. Giao thông ở đây rất đông đúc và thường xuyên xảy ra tình trạng tắc đường vào giờ cao điểm. Ở đây rất ồn ào, nhưng tôi thích sống ở đây vì mọi thứ đều thú vị và hấp dẫn đối với tôi.

Xin chào, tôi là Kate. Tôi là anh họ của John. Tôi sống ở một ngôi làng ở vùng ngoại ô Canberra, Úc. Nơi đây yên tĩnh hơn New York. Không có nhiều cửa hàng, siêu thị và nhà hàng. Có một số trang trại xung quanh nhà tôi. Bạn có thể nhìn thấy rất nhiều cừu và kangaroo ở các trang trại. Không có nhiều người ở đây, nhưng họ rất thân thiện. Tôi thích sống ở vùng nông thôn vì tôi thích không khí trong lành và cuộc sống yên bình ở đây.

Phương pháp:

- Đọc câu đề bài và các đáp án để gạch chân các từ khóa quan trọng.
- Đọc lướt qua các đoạn văn và dừng lại ở đoạn thông tin có chứa từ khóa.
- So sánh thông tin trong bài đọc với nội dung cần tìm dựa vào sự tương quan về nghĩa và ngữ pháp để chọn đáp thích hợp nhất.

29. A

New York has got a lot of high buildings, supermarkets, banks and _____.

(New York có rất nhiều tòa nhà cao tầng, siêu thị, ngân hàng và _____.)

- A. shops (cửa hàng)
- B. post offices (bưu điện)
- C. parks (công viên)
- D. rivers (sông)

Thông tin: It has got a lot of high buildings, supermarkets, banks and **shops**.

(Nơi đây có rất nhiều tòa nhà cao tầng, siêu thị, ngân hàng và cửa hàng.)

Chọn A

30. B

It is very _____ in New York city.

(Thành phố New York rất _____.)

- A. peaceful (yên bình)

B. noisy (*nhộn nhịp*)

C. quiet (*yên tĩnh*)

D. boring (*buồn tẻ*)

Thông tin: It is very **noisy** here

(Ở đây rất nhộn nhịp.)

Chọn B

31. C

Kate is _____ than John.

(Kate _____ hơn John.)

A. taller (*cao hơn*)

B. younger (*trẻ hơn*)

C. older (*lớn tuổi hơn*)

D. slimmer (*gầy hơn*)

Thông tin: I am John's **elder** cousin

(Tôi là chị họ của John)

Chọn C

32. A

She **lives** in a _____ in an **area away from Canberra, Australia.**

(Cô ấy sống trong một _____ ở một khu vực xa Canberra, Úc.)

A. village (*làng*)

B. town (*thị trấn*)

C. city (*thành phố*)

D. suburb (*vùng ngoại ô*)

Thông tin: I live in a **village** in the suburbs of Canberra, Australia

(Tôi sống ở một ngôi làng ở vùng ngoại ô Canberra, Úc.)

Chọn A

33.

Phương pháp:

Áp dụng công thức câu miêu tả ngoại hình với “have/ has” và “be”.

N (số ít) + has + tính từ + danh từ.

= N's (sở hữu cách) + danh từ + is/ are + tính từ.

Lời giải chi tiết:

Hoa has short black hair.

(Hoa có mái tóc đen ngắn.)

= Hoa's hair is short and black.

(Tóc của Hoa ngắn và đen.)

Đáp án: is short and black

34.

Phương pháp:

Áp dụng công thức miêu tả số lượng với “have” và “there be”:

There are + số lượng + danh từ số nhiều + in + danh từ số ít.

= Danh từ số ít + HAS + số lượng + danh từ số nhiều.

Lời giải chi tiết:

There are 5 people in my family.

(Có 5 người trong gia đình tôi.)

= My family has 5 people.

(Gia đình tôi có 5 người.)

Đáp án: has 5 people

35.

Phương pháp:

Áp dụng từ vựng về giới từ chỉ vị trí để viết lại câu miêu tả vị trí giữa hai sự vật.

N1 + is + in front of (phía trước) + N2.

= N2 + is + behind (phía sau) + N1.

Lời giải chi tiết:

The post office is in front of the market.

(Bưu điện ở phía trước chợ.)

= The market is behind the post office.

(Chợ ở phía sau bưu điện.)

Đáp án: is behind the post office

36.

Áp dụng cấu trúc so sánh hơn với tính từ trái ngược có nghĩa trái ngược nhau.

N1 + is bigger (lớn hơn) + than + N2.

= N2 + is smaller (bé hơn) + than + N1.

Lời giải chi tiết:

Her house is bigger than his house.

(Ngôi nhà của cô ấy lớn hơn ngôi nhà của anh ấy.)

= His house is smaller than her house.

(Ngôi nhà của anh ấy nhỏ hơn ngôi nhà của cô ấy.)

Đáp án: is smaller than her house

Phương pháp chung:

Dựa vào quy tắc chính tả để xác định từ đầu tiên và cuối cùng của câu: đầu câu viết hoa – cuối câu có dấu chấm hoặc hỏi chấm.

37.

Dựa vào quy tắc chính tả ta được câu có dạng: The

Cấu trúc thì hiện tại đơn với động từ "be" và chủ ngữ số nhiều: S (số nhiều) + are + giới từ + danh từ.

Câu hoàn chỉnh: **The photos are on the wall.**

(Những bức ảnh ở trên tường.)

Đáp án: The photos are on the wall.

38.

Dựa vào quy tắc chính tả ta được câu có dạng: There

Cấu trúc "there be" với chủ ngữ số nhiều: There + are + số lượng + danh từ số nhiều + in + địa điểm.

five rooms and a big garden: năm căn phòng và một khu vườn

in the house: trong nhà

Câu hoàn chỉnh: **There are five rooms and a big garden in the house.**

(Có năm phòng và một khu vườn lớn trong ngôi nhà.)

Đáp án: There are five rooms and a big garden in the house.

39.

Dựa vào quy tắc chính tả ta được câu có dạng: Could ...?

Câu hỏi lịch sự dung: Could you + V + O, please?

Câu hoàn chỉnh: **Could you tell me the way to the Japanese Bridge, please?**

(Bạn có thể chỉ cho tôi đường đến Cầu Nhật Bản được không?)

Đáp án: Could you tell me the way to the Japanese Bridge, please?

40.

Dựa vào quy tắc chính tả ta được câu có dạng: Would ...?

Cấu trúc câu mời: Would you like + to + V + O?

Câu hoàn chỉnh: **Would you like to join us for dinner tonight?**

(Bạn có muốn tham gia dùng bữa tối với chúng tôi tối nay không?)

Đáp án: Would you like to join us for dinner tonight?